

Bản án số: 135/2020/DS-PT  
Ngày: 25 - 9 - 2020  
Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Lễ.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Phạm Thị Minh Châu;
2. Ông Trương Văn Hai.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Ngọc Bình– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 155/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST, ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG (Viết tắt Công ty TNHH MTV TM XNK DG);

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1986; chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc; địa chỉ cư trú: ấp 4, xã MT, thành phố LC, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 516, tổ 20, ấp KB 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hồ Thị Hoa Tr, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 516, tổ 20, ấp KB 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.2. Ông Hồ Văn Ph; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.3. Ông Hồ Văn H; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.4. Ông Hồ Bảo X; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.5. Ông Võ Văn S; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.6. Ông Cao Bá D; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt )

3.7. Ông Lê Văn B; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.8. Ông Trịnh Ngọc Đ; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.9. Ông Nguyễn Thành A; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.10. Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.11. Ông Võ Văn C; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.12. Ông Nguyễn Thanh M; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.13. Ông Võ Văn Ngh; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.14. Ông Đặng Văn Ch; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.15. Ông Võ Văn L; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; ( Vắng mặt)

3.16. Ông Lâm Văn G; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3.17. Ông Võ Văn Ǻ; địa chỉ cư trú: ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG và bị đơn Nguyễn Thanh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Ngày 01/7/2017 đến ngày 01/12/2017, ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Hoa Tr mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH MTV TM XNK DG nợ lại số tiền 128.783.000đồng, công ty nhiều lần đòi nợ yêu cầu trả số tiền nêu trên, nhưng phía ông T, bà Tr cố tình né tránh không trả. Nay Công ty TNHH MTV TM XNK DG yêu cầu ông Nguyễn Thanh T và bà Hồ Thị Hoa Tr trả số tiền còn thiếu 128.783.000đồng và tiền lãi chậm trả 1,5%/tháng (thời gian tạm tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/7/2019 là 19 tháng, số tiền lãi tạm tính là 36.700.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Vào tháng 7 năm 2017 ông làm nhân viên bán hàng của Công ty TNHH MTV TM XNK DG do ông Nguyễn Văn Nh làm Giám đốc với mức lương thỏa thuận là 4.500.000đồng/tháng, không ký hợp đồng lao động. Nhiệm vụ của ông là thay mặt công ty bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật cho công ty, khi bán hàng thu tiền ông được hưởng 3% doanh số do ông bán ra. Lúc mới vào làm ông có tạm ứng của công ty 6.000.000đồng. Đến tháng 12 năm 2017 thì ông nghỉ và bàn giao sổ sách công nợ bán hàng lại cho công ty. Số tiền lương công ty nợ ông từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 là 22.500.000đồng trừ đi số tiền ông đã tạm ứng trước 6.000.000đồng còn lại công ty nợ lương của ông là 16.500.000đồng. Quá trình ông bán hàng cho nông dân từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 với tổng doanh số bán hàng thành tiền là 128.783.000đồng. Sau đó ông thu tiền của nông dân được 37.085.000đồng trừ đi tiền lương của ông 16.500.000đồng còn lại 20.595.000đồng. Sau đó ông có chuyển qua ngân hàng nông nghiệp huyện Phú Tân cho ông Nh số tiền 5.000.000đồng có biên lai chuyển tiền nhưng lâu quá ông đã làm mất không có giấy tờ gì chứng minh. Như vậy ông chỉ còn nợ công ty số tiền 15.595.000đồng.

Đối với số tiền còn lại 91.698.000đồng là của khách hàng còn nợ lại công ty chứ ông không có nợ công ty. Sau đó ông có thu lại của khách hàng được 4.512.000đồng ông có đưa lại cho ông Võ Văn Ấ, ngụ ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp, ông Anh đã giao số tiền này lại cho ông Nh giám đốc công ty. Số tiền còn lại 88.635.000 đồng là của những khách hàng ngụ ấp K10, xã PH, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp còn thiếu lại như sau: ông Hồ Văn Ph, nợ 8.956.000đồng; ông Hồ Văn H, nợ 712.000đồng; ông Hồ Bảo X, nợ 1.420.000đồng; ông Võ Văn S, nợ 18.365.000đồng; ông Cao Bá D, nợ 1.868.000đồng; ông Lê Văn B, nợ 9.656.000đồng; ông Trịnh Ngọc Đ, nợ 1.050.000đồng; ông Nguyễn Thành A, nợ 8.464.000đồng; ông Nguyễn Văn N, nợ 3.283.000đồng; ông Võ Văn C, nợ 1.218.000đồng; ông Nguyễn Thanh M, nợ 16.912.000đồng; ông Võ Văn Ngh, nợ 1.836.000đồng; ông Đặng Văn Ch, nợ 370.000đồng; ông Võ Văn L, nợ 8.956.000đồng; ông Lâm Văn G, nợ 1.870.000đồng và ông Võ Văn Ấ, nợ 8.956.000đồng. Tổng cộng những khách hàng này nợ của công ty là 88.635.000đồng. Đối với số tiền công ty khởi kiện ông 128.783.000đồng và tiền lãi 36.700.000đồng tổng cộng 165.483.000đồng ông không đồng ý trả. Ông chỉ thừa nhận nợ công ty 15.595.000đồng. Nay hoàn

cảnh khó khăn ông yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hoa Trâm trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh T, chồng bà là nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH MTV TM XNK DG từ tháng 7/2017 với mức lương là 4.500.000đồng. Bản thân bà không có mua vật tư của công ty. Hiện nay công ty khởi kiện yêu cầu bà cùng chồng trả cho công ty số nợ vốn lãi 165.483.000 đồng bà không đồng ý. Còn việc chồng bà thừa nhận còn nợ công ty số tiền 15.595.000đồng bà không đồng ý cùng với chồng trả số tiền trên.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM quyết định:*

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG đối với số tiền 688.000đồng và yêu cầu bà Hồ Thị Hoa Tr liên đới với ông Nguyễn Thanh T trả nợ;

2. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG số tiền là 128.095.000đồng (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 35.095.000đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm thanh toán, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 04 tháng 5 năm 2020, của ông Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ án. Yêu cầu xem xét toàn bộ Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM; không đồng ý trả cho Công ty TNHH MTV TM XNK DG số tiền 128.095.000 đồng và tiền lãi suất 35.095.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 15.595.000 đồng.

Đến ngày 06/7/2020, nguyên đơn Công ty TNHH MTV TM XNK DG làm đơn kháng cáo đối với một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM. Yêu cầu xem xét buộc bà Hồ Thị Hoa Tr phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh T trả nợ cho Công ty TNHH MTV TM XNK DG.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và của Công ty TNHH MTV TM XNK DG có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Nh. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/ 2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV TM XNK DG có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Nh:

Công ty TNHH MTV TM XNK DG yêu cầu buộc bà Hồ Thị Hoa Tr phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh T trả nợ cho Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy, qua hồ sơ thể hiện suốt trong quá trình mua bán thuốc bảo vệ thực vật giữa công ty với ông Nguyễn Thanh T không có bà Tr tham gia, bà Tr cũng không có ký tên xác nhận đối chiếu công nợ, nên án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, Công ty TNHH MTV TM XNK DG kháng cáo yêu cầu bà Tr có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[3] Xét đơn kháng cáo ông Nguyễn Thanh T:

Ông T yêu cầu xem xét toàn bộ Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM; không đồng ý trả cho Công ty TNHH MTV TM XNK DG số tiền 128.095.000 đồng và tiền lãi suất 35.095.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 15.595.000 đồng.

Về nội dung vụ án được xác định như sau: Công ty TNHH MTV TM XNK DG khởi kiện yêu cầu ông T và bà Tr trả số tiền còn thiếu là 128.783.000đ và tiền lãi chậm trả là 1.5%/tháng (thời gian tạm tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2019 là 19 tháng), số tiền lãi tạm tính là 36.700.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả phát sinh. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/7/2017 (Bút lục số 01), thể hiện người mua ông Nguyễn Thanh T xác nhận đã mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH MTV TM XNK DG nợ lại số tiền 128.095.000 đồng. Bị đơn ông T không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bởi lẽ với tư cách là nhân viên công ty, nhiệm vụ của ông bán hàng cho nông dân từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 với tổng doanh số bán hàng thành tiền là 128.783.000đ. Sau đó ông thu tiền của nông dân được 37.085.000đ trừ đi tiền lương của ông là 16.500.000đ còn lại là 20.595.000đ. Ngoài ra, ông có chuyển qua ngân hàng nông nghiệp huyện Phú Tân cho ông Nhiều số tiền 5.000.000đ có biên lai chuyển tiền nhưng lâu quá đã làm mất và không có giấy tờ gì chứng minh. Như vậy ông chỉ còn nợ công ty số tiền là 15.595.000đ. Đối với số tiền còn lại là 91.698.000đ là của khách hàng còn nợ lại công ty chứ ông không có nợ công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01 tháng 8 năm 2020, bị đơn có nại ra cho rằng số nợ này đã được lập danh sách đối chiếu công nợ bản photo giữa ông Nhiều và ông T có nội dung số tiền 91.688.000 đồng chuyển sang chú tư Luận (Võ Văn Ấ) nhưng việc chuyển giao này không được phía nguyên đơn và người nhận nghĩa vụ đồng ý. Phiên tòa ngày 01/8/2020 được tạm ngừng, Hội đồng xét xử thông báo trực tiếp cho các đương cung cấp các chứng cứ có liên quan đến vụ kiện tranh chấp, nhưng ông T không thực hiện, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2020, bị đơn có nộp cho Hội đồng xét xử Thông báo số 12/TB-TA ngày 18/9/2019, của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Tháp có nội dung: “Ông Anh (Luận), bà Quê không thừa nhận nợ tiền nguyên đơn (ông Nhiều); ông bà thừa nhận nợ Công ty ông Nhiều số tiền 183.706.000 đồng ghi trong bảng đối chiếu công nợ ngày 13/01/2008 là khoản nợ của ông Nguyễn Thanh T, không phải là của ông bà”. Nhưng ngoài lời khai nại thì ông T hoàn toàn không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh và cũng không được công ty xác nhận việc này. Mặc dù, biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2017, thời hạn thực hiện giao dịch nhận hàng từ ngày 01/7/2017 kết thúc đến ngày 01/12/2017, ngày ghi biên bản đối chiếu ngày 01/7/2020, nhưng bị đơn thừa nhận có ký tên, ngoài ra còn phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn là có nhận hàng bán lại cho các hộ dân, người mua có ký tên vào hóa đơn bán lẻ của bị đơn.

Do đó, căn cứ Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/7/2017, và các chứng cứ liên quan khác, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông T trả số tiền 128.095.000 đồng cho công ty là có cơ sở. Về lãi, do ông T chậm thực hiện nghĩa vụ làm thiệt hại quyền lợi của công ty, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông T trả lãi chậm trả từ ngày xác nhận nợ (01/7/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2020), mức lãi áp dụng 10%/năm, lãi phát sinh 35.095.000 đồng là có căn cứ.

Đối với đoạn ghi âm do ông T cung cấp để chứng minh ông là nhân viên của công ty bán hàng ăn lương hàng tháng là 4.500.000 đồng. Tuy nhiên, đoạn

ghi âm không rõ ràng, không có nguồn gốc xuất xứ, không được nguyên đơn thừa nhận; bị đơn cũng không chứng minh được hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV TM XNK DG, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và kháng cáo của Công ty TNHH MTV TM XNK DG, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T, Công ty TNHH MTV TM XNK DG phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-PT ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG đối với số tiền 688.000đồng và yêu cầu bà Hồ Thị Hoa Tr liên đới với ông Nguyễn Thanh T trả nợ;

2. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG số tiền là 128.095.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 35.095.000đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng);

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG phải chịu án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 4.137.000đồng (Bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013345 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG được nhận lại số tiền 3.837.000đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng);

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 8.159.500đồng (Tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng).

**5. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008289 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyện CM.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại xuất nhập khẩu DG phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008677 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án huyện CM.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – huyện CM;
- THA – huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Minh Lễ**